TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/5/2023
V/v "*Ly hôn giữa ông T với bà D*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Bà Trần Thị Thanh D**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ thường trú: Số C, khu phố B, phường N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: Số C, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông T và bà D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông và bà D kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/12/2014 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2021, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà D thường xuyên buôn bán về khuya, ông nói thì vợ chồng cãi nhau, bà D còn xách dao dọa ông, vợ chồng không thể hàn gắn. Ông và bà D đã ly thân khoảng 06 tháng. Nay tình cảm giữa ông và bà D không còn nên ông xin ly hôn với bà D.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Thanh D trình bày:

Bà thống nhất với ông T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn của hai vợ chồng. Theo bà, vợ chồng bà vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Do ông T có người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với bà. Bà làm nghề buôn bán nên hay về nhà tối, đồng thời bà còn làm thêm nghề mài dao mướn, khi cãi nhau với ông T bà đang mài dao nên ông T hiểu lầm bà dọa chém ông T. Bà và ông T đã ly thân từ ngày 21/12/2022 đến nay. Bà vẫn còn tình cảm với ông T nên không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện bị đơn bà Trần Thị Thanh D, quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Thanh D là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, bà D đang cư trú tại phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông T và bà D tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2014 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2021, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà D thường xuyên buôn bán về khuya, ông nói thì vợ chồng cãi nhau, bà D còn xách dao dọa ông, vợ chồng không thể hàn gắn. Nay tình cảm giữa ông và bà D không còn nên ông xin ly hôn với bà D. Bà D cho rằng bà và ông T không có mâu thuẫn gì, do ông T có người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với bà. Bà làm nghề buôn bán nên hay về nhà tối, đồng thời bà còn làm thêm nghề mài dao mướn, khi cãi nhau với ông T bà đang mài dao nên ông T hiểu lầm bà dọa chém ông T. Xét thấy, tuy ông T bà D không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng nhưng thực tế mâu thuẫn của ông bà có xảy ra. Ông T và bà D đã ly thân từ tháng 12/2022 đến nay, đây là thời gian đủ dài để vợ chồng nhìn nhận, tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn và cùng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T và bà D vẫn không hàn gắn được Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[3] Về con chung: ông T và bà D cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: ông T và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: ông T và bà D cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông T phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Thanh D.

2. Về con chung: ông T và bà D cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: ông T và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: ông T và bà D cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0002696 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã S, CT, Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương